TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2021/HNGĐ-ST;
Ngày: 2/3/2021.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Ông Lưu Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh, Cán bộ Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 0G tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn C**, sinh năm: 1986.

Thường trú: 611/13/31 đường Lê Văn Thọ, Phường A, quận B, Thành phố H.

Tạm trú: 644/4/18 đường Ba Tháng Hai, Phường A, Quận 10, Thành phố H.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị Thanh D**, sinh năm: 1991.

Thường trú: 611/13/31 đường Lê Văn Thọ, Phường A, quận B, Thành phố H.

Tạm trú: GG1/19G/1G, Tổ G0, Khu phố G, phường K, Quận Y, Thành phố H.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày:

Ông và bà Cao Thị Thanh D chung sống với nhau từ ngày 2G/7/2018 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố H. Do quá trình chung sống không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Cao Thị Thanh D.

Về con chung : Ông và bà D có một con chung tên là Võ Cao Thanh Z (sinh ngày 16/6/2018). Ông giao con chung cho bà D nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản hòa giải bà Cao Thị Thanh D là bị đơn trình bày :

Bà và ông C chung sống với nhau từ ngày 2G/7/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố H. Do trong quá trình chung sống không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu ly hôn bà đồng ý nhưng vì bà là người theo đạo nên bà không thể ký vào Biên bản thuận tình ly hôn tại Tòa án được, bà đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và chấp nhận cho ông C được ly hôn bà.

Về con chung : Bà và ông C có một con chung tên là Võ Cao Thanh Z (sinh ngày 16/6/2018), bà sẽ là người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng tùy vào ông C.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Võ Văn C yêu cầu được ly hôn với bà Cao Thị Thanh D. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại Quận Y, Thành phố H, do đó căn cứ vào các Điều 28, 3G, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 201G thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 201G.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

*Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Văn C và bà Cao Thị Thanh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 2G/7/2018.

Theo xác minh tại chính quyền địa C thì thời gian sống chung với nhau giữa ông C và bà D chính quyền địa C không biết.

Theo lời ông C trình bày thì ông không còn tình cảm với bà D nữa, trong cuộc sống chung hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ bà D trình bày rằng cuộc sống hôn nhân của bà và ông C không hạnh phúc, bà cũng đồng ý ly hôn. Nhưng do bà là người theo đạo Thiên chúa nên bà không thể thuận tình ly hôn theo yêu cầu của ông C được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của ông C theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện rõ ông C và bà D thực sự có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai ông bà cùng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau, không còn mong muốn cuộc sống hôn nhân nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của ông C với bà D là có cơ sở và được chấp nhận. Ông Võ Văn C được ly hôn với bà Cao Thị Thanh D.

*Về con chung: Có một con chung tên là Võ Cao Thanh Z (sinh ngày 16/6/2018). Cả ông C và bà D cùng đồng ý giao con chung cho bà D nuôi dưỡng và ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí ly hôn: Ông Võ Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 010G913 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H. Ông C còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 33, 3G, 131, 179, 199, 202, 208, 236, 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều G6, G7, G8, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 20A;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQHA ngày 30/Y/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C.

Ông Võ Văn C được ly hôn bà Cao Thị Thanh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Cao Thanh Z (sinh ngày 16/6/2018) cho bà Cao Thị Thanh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Võ Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung một tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà D có đơn thi hành đối với khoản tiền nêu trên mà ông C chưa thanh toán cho bà D thì ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 3G7, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 201G.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

Buộc Ông Võ Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 010G913 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H. Ông C còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

G. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 1G (mười lăm ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hương